

---

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST

Ngày 21 tháng 9 năm 2022

*“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG TỈNH TUYÊN QUANG**

**Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Triệu Ngọc Thúc.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nông Thị Sinh.
2. Ông Nguyễn Đức Nhâm.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hồng Phúc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Na Hang tham gia phiên tòa:* Ông Tạ Ngọc Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 22/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị M, sinh năm 1994; Địa chỉ: Xóm X xã K, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Quang S, sinh năm 1994; Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Tổ dân phố N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Chị M có mặt, anh S vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lương Thị M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S qua tự nguyện tìm hiểu đã đi đến kết hôn ngày 23/6/2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kim Phú, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng bố mẹ chị tại xóm 23, xã Kim Phú, thành phố Tuyên Quang. Từ khi kết hôn vợ chồng chị đã không được hòa thuận hạnh phúc, nguyên nhân là do anh S mãi chơi, không có

công ăn việc làm ổn định, không hỗ trợ chị trong việc nuôi dạy con cái, dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã, mắng chửi nhau cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 6/2020 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Từ khi ly thân đến nay vợ chồng không quan tâm gì đến nhau, không có cách thức biện pháp nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu nên bản thân chị cũng không còn muốn hàn gắn. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S chấm dứt tình trạng hôn nhân như hiện nay.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Hoàng Quốc Đ, sinh ngày 06/7/2016. Hiện cháu đang ở cùng chị M, nếu ly hôn chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đ, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- *Đối với bị đơn anh Hoàng Quang S:* Anh S vắng mặt tại phiên toà: Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Hoàng Quang S theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh S không đến Tòa án làm việc cũng không có yêu cầu phản tố gì, không có văn bản nêu ý kiến để gửi đến Tòa án nên Tòa án không có căn cứ để xem xét.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Thư ký đã chấp hành đúng quy định của luật Tố tụng. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi của những người tham gia tố tụng tại phiên toà. Tòa án cũng triệu tập anh S hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng anh S vẫn vắng mặt mà không có lý do, nên căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2, điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án xét xử vắng anh S.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 28, 35 của BLTTDS; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị M, xử theo hướng cho chị M được ly hôn với anh S. Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu Hoàng Quốc Đ, sinh ngày 06/7/2016 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét do đương sự không yêu cầu. Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Về việc giao nộp các tài liệu chứng cứ: Nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng minh thư nhân dân; Giấy chứng nhận kết hôn bản chính; giấy khai sinh con chung; Chứng minh thư nhân dân của chị My và anh S; Sổ hộ khẩu của chị My; Bảng lương của chị My.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ:

- Biên bản xác minh tại xóm 23, xã Kim Phú: Ông Triệu Văn Hoạt là Công an viên cung cấp: Chị M và anh S sau khi kết hôn chung sống tại Xóm, tuy nhiên 2 năm gần đây không biết vì lý do gì không thấy anh S ở cùng chị M nữa.

- Biên bản xác minh tại gia đình anh S bà Hoàng Thị H cung cấp: Anh S có đăng ký hộ khẩu tại thôn N, xã T, huyện H nhưng thực tế anh S ở cùng gia đình tại tổ dân phố N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Chị M và anh S sau khi kết hôn thì chung sống cùng bố mẹ chị M tại Xóm 23, xã Kim Phú vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn từ năm 2019, nguyên nhân là do anh S ham chơi, không tu trí làm ăn, nên gia đình chị M mắng chửi và đuổi anh S đi, chị M và anh S sống ly thân từ đó đến nay.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Hoàng Quang S đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Nà Làng, xã Thanh Tương, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, tuy nhiên anh S không sống ở thôn Nà Làng mà cư trú cùng bố mẹ đẻ tại tổ dân phố N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; chị M khởi kiện xin ly hôn với anh S, Tòa án nhân dân huyện Na Hang thụ lý vụ án “Kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ ý kiến trình bày của nguyên đơn; Kết quả xác minh tại xóm 23; Biên bản xác minh đối với mẹ đẻ anh S và các tài liệu, chứng cứ khác, xác định: Anh S đi làm ăn xa, nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về nhà. Sau khi ra thông báo thụ lý vụ án gia đình đã thông báo cho anh S biết, nhưng anh S không về và cũng không thông báo về địa chỉ, nơi làm việc mới, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Na Hang đã tiến hành thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục tố tụng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh S đến lần thứ 2 nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2, điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án xét xử vắng anh S.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị M và anh Hoàng Quang S sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, đến ngày 23/6/2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kim Phú, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh S là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của đương sự, kết quả xác minh thấy rằng: Sau khi kết hôn chị M và anh S chung sống cùng gia đình chị M, quá trình chung sống hai vợ chồng không được hòa thuận hạnh phúc thường xuyên có mâu thuẫn, chị M và anh S đã sống ly thân 02 năm nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh S là thực tế và kéo dài, hiện chị M và anh S đã sống ly thân

từ lâu mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần xử cho chị M được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Chị Lương Thị M và anh Hoàng Quang S có 02 con chung là cháu Hoàng Quốc Đ, sinh ngày 06/7/2016. Hiện cháu đang ở cùng chị M, nếu ly hôn chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đ, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh S thường xuyên vắng mặt ở địa phương, không có chỗ ở ổn định, không biết hiện nay làm công việc gì, vì vậy không đảm bảo các điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Chị M hiện nay làm ở gần nhà, có công việc làm và thu nhập ổn định, hiện chị M đang ở cùng bố mẹ đẻ. Như vậy chị M đảm bảo về điều kiện chỗ ở cũng như kinh tế để nuôi dưỡng con chung, nên giao cháu Đ cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp. Do chị M không yêu cầu cấp dưỡng nên anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh S không có tài sản chung, không vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Các nội dung khác:

- Về án phí: Chị Lương Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh Hoàng Quang S không phải nộp án phí.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

**1.** Về hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị M được ly hôn với anh Hoàng Quang S.

**2.** Về con chung: Giao con chung cháu Hoàng Quốc Đ, sinh ngày 06/7/2016 cho chị Lương Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Hoàng Quang S không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị M.

Anh Hoàng Quang S có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung và có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

**3.** Về án phí: Chị Lương Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền chị M đã nộp

tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005010 ngày 01/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, chị M đã nộp đủ tiền án phí.

**4. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn chị M có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn anh S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- UBND xã Kim Phú;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Triệu Ngọc Thúc**